

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANKD BERJAYA

(Phê duyệt bởi Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 29 tháng 06 năm 2010, tại Tp. Hồ Chí Minh)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2010

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	5
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Định nghĩa.....	5
Điều 2. Hình thức, tên gọi và trụ sở Công ty, người đại diện theo pháp luật.....	6
Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty	7
CHƯƠNG II	7
MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY7	
Điều 4. Các lĩnh vực kinh doanh	7
Điều 5. Mục tiêu hoạt động	7
Điều 6. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán.....	8
Điều 7. Phạm vi hoạt động kinh doanh.....	8
Điều 8. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty	8
Điều 9. Các quy định hạn chế đối với Công ty.....	10
Điều 10. Các quy định về kiểm soát nội bộ.....	11
Điều 11. Các quy định về bảo mật thông tin	11
Điều 12. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp.....	11
CHƯƠNG III.....	12
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU	12
Điều 13. Vốn điều lệ.....	12
Điều 14. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ.....	12
Điều 15: Cổ đông sáng lập của Công ty	12
Điều 16. Hạn chế đối với quyền của cổ đông sáng lập.....	13
Điều 17. Cơ cấu góp vốn	14
Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông.....	14
Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.....	15
Điều 20. Cổ phần, cổ phiếu, phát hành cổ phiếu của Công ty.....	16
Điều 21. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	16

Điều 22. Mua lại cổ phần.....	17
Điều 23. Điều kiện thanh toán cổ phần được mua lại.....	17
Điều 24. Phát hành trái phiếu.....	17
CHƯƠNG IV.....	18
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY.....	18
Điều 25. Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 26. Hội đồng quản trị.....	21
Điều 27. Tổng Giám đốc.....	24
Điều 28. Ban Kiểm soát.....	25
CHƯƠNG V.....	26
THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	26
Điều 29. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Công ty.....	26
Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	26
Điều 31. Nguyên tắc hạch toán thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý và thành viên Ban kiểm soát.....	27
CHƯƠNG VI.....	27
NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	27
Điều 32. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty và thành viên Ban Kiểm soát.....	27
Điều 33. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan.....	27
CHƯƠNG VII.....	28
NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	28
Điều 34. Năm tài chính.....	28
Điều 35. Hệ thống kế toán.....	28
Điều 36. Kiểm toán.....	28
Điều 37. Chế độ báo cáo và công bố thông tin.....	28
CHƯƠNG VIII.....	28
NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ.....	28
Điều 38. Điều khoản chia lợi nhuận.....	28

Điều 39. Xử lý lỗ trong kinh doanh	29
Điều 40. Trích lập các Quỹ theo quy định.....	29
CHƯƠNG IX.....	29
TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, TỔ TỤNG TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY .	29
Điều 41. Tổ chức lại Công ty.....	29
Điều 42. Tổ tụng tranh chấp	29
Điều 43. Giải thể và thanh lý	29
Điều 44. Phá sản	30
CHƯƠNG X.....	30
THỂ THỨC SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	30
Điều 45. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	30
CHƯƠNG XI.....	30
NGÀY HIỆU LỰC	30
Điều 46. Ngày hiệu lực	30
Điều 47. Chữ ký của các cổ đông sáng lập.....	30

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 14/2007/ NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Công ty chứng khoán;
- Nghị Quyết Đại hội Cổ đông lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2008;
- Biên bản kiểm phiếu ý kiến của Cổ đông ngày 29/06/2010 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 30/06/2010 về việc sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Các văn bản pháp luật khác liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa

1.1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây có nghĩa như được quy định dưới đây:

- a. “**Công ty**” là Công ty Cổ phần Chứng khoán SaiGonBank Berjaya.
- b. “**Địa bàn kinh doanh**” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- c. “**Vốn điều lệ**” có nghĩa là số vốn do cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ Công ty.
- d. “**Luật chứng khoán**” có nghĩa là Luật Chứng khoán đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006.
- e. “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005. được sửa đổi và hoặc bổ sung vào từng thời điểm.
- f. “**Điều khoản**” có nghĩa là một hoặc các Điều khoản của Điều lệ này.
- g. “**Ngày thành lập**” có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động.
- h. “**Pháp luật**” là tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành ngày 12/11/1996.

- i. “**Người quản lý Công ty**” có nghĩa thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý từ cấp Trưởng phòng hoặc tương đương trở lên.
 - j. “**Những người liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và hoặc Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
 - k. “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - l. “**UBCKNN**” được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - m. “**Cổ đông**” là thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần của Công ty.
 - n. “**Cổ đông sáng lập**” là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào Điều lệ đầu tiên của Công ty.
 - o. “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.
 - p. “**Cổ phần**” là các phần vốn góp có giá trị ngang nhau tạo thành vốn điều lệ của Công ty.
 - q. “**Cổ phần ưu đãi biểu quyết**” là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số cổ phần phổ thông.
 - r. “**Cổ phiếu**” là loại chứng chỉ xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.
 - s. “**Trái phiếu**” là loại chứng chỉ xác định quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn nợ của tổ chức phát hành.
 - t. “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- 1.2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu đến điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
- 1.3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Hình thức, tên gọi và trụ sở Công ty, người đại diện theo pháp luật

2.1. Công ty Cổ phần Chứng khoán SaiGonBank Berjaya được tổ chức và hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2.2 Tên Công ty:

- Tên đầy đủ và chính thức của Công ty bằng tiếng Việt:
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt:
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh:
SAIGONBANK BERJAYA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **SBBS**

2.3. Trụ sở Công ty:

Lầu 5&6, 2C Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (848) 39143399 Fax: (848) 39143388
- Địa chỉ trang web: www.sbbsjsc.com.vn

2.4. Người đại diện theo pháp luật

- a. Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác phù hợp với quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2.5. Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, đại lý tại địa bàn hoạt động hoặc kinh doanh sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 43 của Điều lệ này hoặc gia hạn hoạt động, thời hạn của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG II

MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 4. Các lĩnh vực kinh doanh

4.1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- a. Môi giới chứng khoán;
- b. Tự doanh chứng khoán;
- c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- d. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- e. Lưu ký chứng khoán.

4.2. Công ty có thể rút bớt hoặc bổ sung một hoặc một số trong những nghiệp vụ kinh doanh trên sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

5.1. Mục tiêu của Công ty là không ngừng tìm kiếm các cơ hội phát triển từ hoạt động kinh doanh chứng khoán nhằm tối đa hóa lợi nhuận, thực hiện cam kết với khách hàng, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam.

5.2. Trong quá trình hoạt động Công ty có thể có những mục tiêu khác ngoài các mục tiêu nêu trên tại khoản 5.1 điều này. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải

có sự phê duyệt thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán

Nguyên tắc chung:

1. Tuân thủ pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán và các pháp luật khác;
2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
3. Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;
4. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán và ban hành bằng văn bản các quy trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh phù hợp;
6. Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;
7. Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty chứng khoán phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
8. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán;
9. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với các quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 7. Phạm vi hoạt động kinh doanh

Công ty chỉ được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ tài chính khác trong phạm vi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty chứng khoán và được Luật Chứng khoán cho phép. Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ, sản phẩm mới phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 8. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty

8.1. Quyền của Công ty:

- a. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng về giao dịch chứng khoán, đăng ký và lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính;
- b. Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài Chính quy định;
- c. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật;
- d. Sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty;
- e. Quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông góp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty theo Điều lệ; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết của Hội đồng quản trị và pháp luật hiện hành;
- f. Mua lại không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán làm cổ phiếu quỹ, một phần hoặc toàn bộ số cổ phần loại khác đã bán nếu không trái với Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp hiện hành;

- g. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
- h. Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;
- i. Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty và theo quy định của pháp luật;
- j. Quyết định mở, sát nhập hoặc đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện Công ty ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành;
- k. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn theo các quy định của pháp luật;
- l. Sử dụng ngoại tệ thu được theo các chế độ hiện hành về quản lý ngoại hối;
- m. Có quyền đề nghị khách hàng cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh khi có quyết định quan hệ giao dịch với khách hàng và có quyền từ chối các quan hệ đó nếu thấy trái pháp luật, không đem lại hiệu quả hoặc không có khả năng thực hiện;
- n. Khởi kiện các hành vi xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty;
- o. Từ chối hoặc tố cáo mọi yêu cầu cung cấp nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;
- p. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và theo pháp luật.

8.2. Nghĩa vụ của Công ty:

- a. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
- b. Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của Công ty chứng khoán;
- c. Ký hợp đồng bản văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ trung thực thông tin cho khách hàng;
- d. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
- e. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó;
- f. Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính;
- g. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty;
- h. Không được thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán không sở hữu hoặc cho khách hàng vay chứng khoán để bán nếu chưa có hướng dẫn cụ thể cho phép thực hiện của Bộ Tài chính;
- i. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- j. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
- k. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;

- l. Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 101 trong trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng và Điều 104 của Luật Chứng khoán và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính;
- m. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành;
- n. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế đăng ký lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;
- o. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã đăng ký;
- p. Tự chủ về tài chính, đảm bảo chi phí, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, về sự tăng trưởng và bảo toàn vốn của Công ty;
- q. Ghi chép sổ sách kế toán và quyết toán, lưu giữ các hóa đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- r. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của mình, chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng bằng vốn tự có và các tài sản hợp pháp khác của Công ty;
- s. Đăng ký thuế, kê khai thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- t. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo, thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó với cơ quan có thẩm quyền;
- u. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Công ty đảm bảo thực hiện nghĩa vụ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước một cách trung thực, chính xác, đầy đủ và đúng hạn các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán của mình;
- v. Trường hợp tham gia làm thành viên Sở Giao dịch, Trung tâm giao dịch chứng khoán, Công ty phải thực hiện đầy đủ và nghiêm túc nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin cho Sở Giao dịch Trung tâm giao dịch chứng khoán và cho khách hàng theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Quy chế thành viên Trung tâm giao dịch chứng khoán;
- w. Thu thập thông tin về tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư của khách hàng;
- x. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh;
- y. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Các quy định hạn chế

9.1. Quy định hạn chế:

- a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- b. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- c. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;

- d. Không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán, trừ trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác;
- e. Không được đầu tư hoặc góp vốn vượt mức qui định vào các đơn vị khác;
- f. Không được đầu tư vào tài sản cố định quá 50% vốn điều lệ.

9.2. Quy định hạn chế đối với Tổng Giám đốc Công ty và người hành nghề chứng khoán của Công ty:

- a. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty chứng khoán nơi mình đang làm việc;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ khác;
- c. Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
- d. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính công ty;
- e. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được khách hàng ủy thác;
- f. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

Điều 10. Các quy định về kiểm soát nội bộ

- 10.1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty.
- 10.2. Mọi nhân viên Công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ.
- 10.3. Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.
- 10.4. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Tổng Giám đốc Công ty để nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nội bộ.

Điều 11. Các quy định về bảo mật thông tin

- 11.1. Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
- 11.2. Quy định tại khoản 11.1 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ;
 - Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 12. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

- 12.1. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội các tổ chức kinh doanh chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong Công ty. Công ty phải xây dựng Quy tắc đạo đức nghề nghiệp Công ty trên cơ sở chi tiết hoá nội dung của bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp này
- 12.2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc này.

12.3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Công ty.

CHƯƠNG III

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 13. Vốn điều lệ

13.1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là **300.000.000.000 VND (ba trăm tỷ đồng)**, được chia thành **30.000.000 (ba mươi triệu)** cổ phần phổ thông bằng nhau. Trị giá mỗi cổ phần là **10.000 (mười ngàn)** đồng.

13.2. Các cổ đông sáng lập sẽ cùng nhau ký kết Biên bản cam kết góp vốn trong đó quy định số lượng vốn góp, thời hạn góp, cách thức góp vốn trước khi thành lập Công ty vào một tài khoản đồng sở hữu mở tại Ngân hàng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chỉ định, quy định thời hạn, cách thức, tỷ lệ % góp và các quy định khác liên quan đến phần vốn góp trước khi thành lập Công ty.

Điều 14. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

14.1. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty phải được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

14.2. Công ty có thể tăng vốn Điều lệ thông qua quyết định của Đại hội cổ đông và phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi:

- a. Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc
- b. Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được.

14.3. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng từ các trường hợp sau:

- a. Phát hành cổ phiếu mới để huy động vốn theo quy định của pháp luật;
- b. Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;
- c. Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu;
- d. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ.

14.4. Việc giảm vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành.

Điều 15: Cổ đông sáng lập của Công ty

Cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm các pháp nhân sau đây:

1. Công ty TNHH một thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hòa

- Giấy chứng nhận ĐKKD số:
4104000104 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 1 năm 2005 và đăng ký lần thứ 02 ngày 08 tháng 11 năm 2007.
- Địa chỉ trụ sở chính:
12 Đường 3/2, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Số vốn góp:

40.000.000.000 VND (*Bốn mươi tỷ đồng*), chiếm tỷ lệ **13.33%** vốn điều lệ của Công ty Cổ phần chứng khoán SaiGonBank Berjaya.

- Số lượng cổ phần nắm giữ: **4.000.000** (*Bốn triệu*) cổ phần.

Đại diện theo pháp luật cho phần vốn góp:

- Bà Võ Thị Thúy – *Giám đốc*
- Số CMND: 020124739 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10/03/2005
- Địa chỉ thường trú: 86A Ngô Quyền – Phường 6 – Quận 10 – TP. Hồ Chí Minh.

2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương

- Giấy chứng nhận ĐKKD số:
059074 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 8 năm 1993
- Địa chỉ trụ sở chính:
2C Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Số vốn góp:
33.000.000.000 VND (*Ba mươi ba tỷ đồng*), chiếm tỷ lệ **11%** vốn điều lệ của Công ty Cổ phần chứng khoán SaiGonBank Berjaya.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: **3.300.000** (*Ba triệu ba trăm ngàn*) cổ phần.

Đại diện theo pháp luật cho phần vốn góp:

- Bà Trần Thị Việt Ánh – *Tổng Giám đốc*.
- Số CMND: 024096223 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 1 năm 2003
- Địa chỉ thường trú: 23/36/2 Đường D2 – Văn Thánh Bắc – Phường 25 – Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Inter Pacific Securities Sdn Bhd

- Giấy chứng nhận ĐKKD số:
12738-U do Cơ quan đăng ký Công ty Malaysia cấp ngày 30 tháng 8 năm 1972.
- Địa chỉ trụ sở chính:
West Wing, Level 13, Berjaya Times Square, No.1Jalan Imbi, 55100 Kuala Lumpur, Malaysia
- Số vốn góp:
147.000.000.000 VND (*Một trăm bốn mươi bảy tỷ đồng*), chiếm tỷ lệ **49%** vốn điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán SaiGonBank Berjaya.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: **14.700.000** (*Mười bốn triệu bảy trăm ngàn*) cổ phần.

Đại diện theo pháp luật cho phần vốn góp:

- Ông Kuok Wee Kiat - *Giám đốc Công ty*
- Số Hộ chiếu: A14239103 cấp ngày 3 tháng 12 năm 2004 tại Malaysia
- Địa chỉ thường trú: No.2, Lorong Jarak, Daman Sara Heights, 50490 Kuala Lumpur, Malaysia.

Điều 16. Hạn chế đối với quyền của cổ đông sáng lập

- 16.1. Cổ đông sáng lập của Công ty không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp

chuyên nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty. Các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông giữ chức vụ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Công ty cũng phải tuân thủ các hạn chế tại điều này.

16.2. Cổ đông sáng lập không được trích lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Điều 17. Cơ cấu góp vốn

STT	Tên cổ đông	CP phổ thông	CP ưu đãi biểu quyết	Tổng cộng CP nắm giữ	Giá trị vốn góp (1.000.000 đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP						
1	Công ty TNHH một thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hoà	4,000,000	0	4,000,000	40,000	13.33%
2	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương	3,300,000	0	3,300,000	33,000	11%
3	Inter Pacific Securities Sdn Bhd	14,700,000	0	14,700,000	147,000	49%
CỔ ĐÔNG GÓP VỐN						
4	Các cổ đông góp vốn khác	8,000,000	0	8,000,000	80,000	26.67%
TỔNG CỘNG		30.000.000	0	30.000.000	300.000	100%

Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông

18.1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

18.2. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là pháp nhân;
- Giá trị góp vốn, thời điểm góp vốn, loại cổ phần, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

18.3. Hình thức của sổ do công ty quyết định có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

18.4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính hoặc tại Trung tâm lưu ký chứng khoán khi Công ty thực hiện lưu ký cổ phần tại Trung tâm Lưu ký.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

19.1. Quyền của cổ đông phổ thông:

- a. Cổ đông nắm giữ cổ phần có các quyền sau:
 - Tham dự và biểu quyết trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này;
 - Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các quyết định nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
 - Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất.

- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau:
 - Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
 - Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty;

- c. Các quyền khác phù hợp với quy định của pháp luật.

19.2. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông:

- Góp đủ, đúng hạn số vốn, cổ phần đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào Công ty;

- Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để thực hiện các hành vi sau:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;
- Thực hiện các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định.

19.3. Nghĩa vụ của cổ đông lớn của Công ty có cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán:

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày trở thành cổ đông lớn phải báo cáo Công ty, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán hoặc tại Trung tâm giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu được niêm yết.

Điều 20. Cổ phần, cổ phiếu, phát hành cổ phiếu của Công ty

20.1. Hình thức cổ phần:

Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty có thể có cổ phần ưu đãi.

20.2. Phát hành cổ phiếu:

Công ty được phát hành cổ phiếu và việc phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

21.1. Chào bán cổ phần:

- Công ty được chào bán cổ phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu theo quy định tại Luật Chứng khoán;
- Công ty phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Phương thức, thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.
- Cổ phần bán ưu đãi cho người quản lý Công ty, công nhân viên Công ty trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Cổ phần chào bán cho đối tác chiến lược trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

21.2. Chuyển nhượng cổ phần:

Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp sau:

- Cổ phần ưu đãi biểu quyết;

- Cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc Công ty quy định tại khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này;
- Các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.
Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký.

Điều 22. Mua lại cổ phần

22.1. Mua lại theo yêu cầu của cổ đông:

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định về việc tổ chức lại Công ty của Đại hội đồng cổ đông hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty. Yêu cầu mua lại cổ phần phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

22.2. Mua lại theo quyết định của Công ty:

- a. Công ty đại chúng không có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán có quyền mua lại cổ phiếu của chính mình không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:
 - Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 5% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng;
 - Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không được trái với quy định của pháp luật;
- b. Công ty đại chúng có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán khi mua lại cổ phiếu của mình phải công khai thông tin về việc mua lại 07 ngày trước khi thực hiện mua lại.

Điều 23. Điều kiện thanh toán cổ phần được mua lại

Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 24. Phát hành trái phiếu

- 24.1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.
- 24.2. Hội đồng quản trị Công ty có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, và thời điểm phát hành nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
- 24.3. Trường hợp không được phát hành trái phiếu:

- Không thanh toán hoặc thanh toán không đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

CHƯƠNG IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 25. Đại hội đồng cổ đông

25.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

25.2. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số cổ phần của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Người trúng cử phải đạt số phiếu bầu tối thiểu là 65%.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định việc tăng giảm vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định mức thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật.

25.3. Các đại diện được ủy quyền:

Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất.

25.4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

25.4.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm một lần, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải trên lãnh thổ Việt Nam.

25.4.2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn tối đa là 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính hàng năm;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
- Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc;
- Quyết định việc phân chia lợi nhuận sau thuế của Công ty;
- Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

25.4.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 19.1 Điều 19 của Điều lệ này;
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

25.5. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

25.5.1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

25.5.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty;
- Khẳng định thời gian và địa điểm cuộc họp;
- Thông báo cho tất cả các cổ đông về cuộc họp và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

25.5.3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

25.6. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- 25.6.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 25.6.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 25.6.1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 25.6.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 25.6.2 thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

25.7. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

- 25.7.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 25.7.2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; bán bằng hoặc hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- 25.7.3. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

25.8. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông là người chủ trì phiên họp Đại hội đồng. Những người tham gia họp cử một thư ký ghi biên bản họp. Thư ký có quyền kiểm tra hoặc yêu cầu Ban Kiểm soát xem xét tư cách dự Đại hội đồng cổ đông của những người tham gia. Đại hội đồng sẽ quyết định cuối cùng về vấn đề này.

Tất cả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được ghi vào Sổ biên bản của Công ty.

Điều 26. Hội đồng quản trị

26.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

26.2. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 22.2 Điều 22 về mua lại cổ phần;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng giao dịch của Công ty với người có liên quan quy định tại Điều 33 của Điều lệ này;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đại lý và việc góp vốn, mua lại cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.

26.3. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Là cổ đông cá nhân hoặc cổ đông tổ chức sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc là người khác không phải là cổ đông của Công ty nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm;

- Đối với công ty con là công ty mà Nhà nước sở hữu số cổ phần trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

26.4. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

26.4.1. Hội đồng quản trị của Công ty do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra.

26.4.2. Hội đồng Quản trị có không ít hơn 03 (ba) thành viên, không quá 11 thành viên và 2/3 số thành viên Hội đồng Quản trị phải thường trú tại Việt Nam. Số thành viên cụ thể cho mỗi nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

26.4.3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị mới được bầu và tiếp tục công việc. Trường hợp có thành viên được bổ sung hoặc bầu thay thế thành viên được miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.

26.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

26.5.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra trong số thành viên Hội đồng quản trị.

26.5.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; phân công nhiệm vụ cho Phó Chủ tịch, các thành viên khác trong Hội đồng quản trị thực hiện quản trị hoạt động của Công ty;
- Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; điều khiển các phiên họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- Thay mặt Hội đồng quản trị tổ chức việc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Thay mặt Hội đồng Quản trị triệu tập và chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- Ký các văn bản xử lý các công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị với tư cách là người đại diện pháp luật công ty;
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được vì lý do sức khỏe hoặc các lý do đặc biệt khác thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

26.6. Cuộc họp Hội đồng quản trị và Biên bản cuộc họp:

26.6.1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào xét thấy cần thiết, ít nhất mỗi quý một lần. Hội đồng quản trị có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề khẩn cấp của Công ty khi có yêu cầu của một trong số những đối tượng sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Tối thiểu 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng Giám đốc của Công ty.

Đề nghị họp Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và vấn đề thuộc quyết định của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý, chuyên gia khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết

26.6.2. Hội đồng quản trị được tiến hành họp khi có từ 3/4 tổng số thành viên tham dự và được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được quá 1/2 số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

26.6.3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị ghi chép tiến trình và các quyết định của Hội đồng quản trị bằng tiếng Việt và trong trường hợp cần thiết, phải được dịch sang tiếng Anh. Tất cả thành viên Hội đồng quản trị hiện diện tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải ký tên vào biên bản. Biên bản gốc phải được lưu giữ trong sổ biên bản. Sổ biên bản phải luôn sẵn sàng cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra. Biên bản phải có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 113 Luật Doanh Nghiệp.

26.7. Miễn nhiệm, bãi miễn và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

26.7.1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ:

- Thành viên Hội đồng quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Điều lệ này;
- Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Có đơn xin từ chức;
- Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.

26.7.2. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 mà Đại hội đồng cổ đông thông qua cho mỗi nhiệm kỳ, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 27. Tổng Giám đốc

27.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

27.2. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;
- Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;
- Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ này, hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

27.3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc:

- Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền;
- Có kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng ít nhất 3 năm;
- Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Chứng khoán;
- Không phải là người hành nghề đã bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán;
- Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc tại một doanh nghiệp khác;
- Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp, bị tuyên bố phá sản trong thời hạn 03 năm kể từ ngày

doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trừ trường hợp Doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng

- Nếu công ty là công ty con có phần vốn góp, cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ, Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

27.4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc theo quy định tại khoản 3 Điều này;
- Có đơn xin từ chức;
- Các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 28. Ban Kiểm soát

28.1. Ban Kiểm soát có từ ba đến năm thành viên số lượng cụ thể cho mỗi nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú và chuyên trách ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

28.2. Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp;
- Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này hoặc theo yêu cầu, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

28.3. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát:

- Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, của Tổng Giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên và người quản lý khác;
- Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
- Ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên;
- Các điều kiện và tiêu chuẩn khác phù hợp với quy định của pháp luật.

28.4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều này;
- Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Có đơn xin từ chức;
- Các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Công ty

29.1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

29.2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh khác do Hội đồng quản trị quản lý như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng;
- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng.
- Hội đồng quản trị quyết định lương và thưởng đối với các chức danh mà Hội đồng quản lý.

Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

30.1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

30.2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý.

Điều 31. Nguyên tắc hạch toán thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý và thành viên Ban kiểm soát

Thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý và thành viên Ban Kiểm soát Công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

CHƯƠNG VI

NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty và thành viên Ban Kiểm soát

- a. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- b. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông Công ty;
- c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
- e. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

Hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- c. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
- d. Các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại khoản a, b, c của Điều này và các quy định pháp luật khác.

CHƯƠNG VII

NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 34. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được phép cấp giấy phép hoạt động kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 35. Hệ thống kế toán

35.1. Công ty sử dụng hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán – thống kê;

35.2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

35.2. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.

Điều 36. Kiểm toán

Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận xác nhận. Trường hợp Công ty mới đi vào hoạt động chưa đủ thời gian 4 tháng cho đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Báo cáo tài chính của năm đó không phải kiểm toán.

Điều 37. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

37.1. Công ty phải thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi cần thiết. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu báo cáo.

37.2. Công ty thực hiện chế độ công bố thông tin ra công chúng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 38. Điều khoản chia lợi nhuận

Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

Điều 39. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 40. Trích lập các Quỹ theo quy định

40.1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 100% vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

40.2. Việc quản lý và sử dụng các quỹ này thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX

TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, TỔ TỤNG TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 41. Tổ chức lại Công ty

Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 42. Tổ tụng tranh chấp

42.1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tổ tụng tranh chấp.

42.2. Công ty tôn trọng và chấp hành các chế tài của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật khác.

Điều 43. Giải thể và thanh lý

43.1. Công ty giải thể và chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ này nhưng không xin gia hạn, hoặc xin gia hạn nhưng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;
- Đại hội đồng cổ đông biểu quyết giải thể Công ty, và Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ;
- Công ty bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi Giấy phép kinh doanh chứng khoán.

43.2. Trường hợp Công ty tự giải thể trước khi kết thúc thời hạn hoạt động phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

43.3. Hội đồng quản trị Công ty thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể, có sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật.

Điều 44. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

CHƯƠNG X

THỂ THỨC SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 45. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

45.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

45.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 46. Ngày hiệu lực

46.1. Bản điều lệ này gồm XI Chương 47 điều, được Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán SaiGonBank Berjaya nhất trí thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2010 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

46.2. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản gốc bằng tiếng Anh và 05 (năm) bản gốc bằng tiếng Việt và đều có giá trị pháp lý như nhau.

46.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

46.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

46.5. Điều lệ có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Điều 47. Chữ ký của các cổ đông sáng lập

Chúng tôi, gồm những người ký tên dưới đây cùng nhất trí toàn văn bản Điều lệ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán SaiGonBank Berjaya.

Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số Giấy đăng ký kinh doanh, CMND/Hộ chiếu	Người đại diện	Chữ ký và con dấu
Công ty TNHH một thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hòa	12 Đường 3/2, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4104000104 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2005	Võ Thị Thúy	
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương	2C Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận ĐKKD số: 059074 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/08/1993.	Trần Thị Việt Ánh	
Inter Pacific Securities Sdn Bhd	West Wing, Level 13, Berjaya Times Square, No.1Jalan lmbi, 55100 Kuala Lumpur, Malaysia	Chứng nhận kinh doanh số 12738-U do Cơ quan đăng ký Công ty Malaysia cấp ngày 30/8/1972	Kuok Wee Kiat	